TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 984/2024/HC-PT
Ngày 14 - 9 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;
Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;
Bà Nguyễn Thị Cúc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 514/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2024/HC-ST ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2840/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Hồ Kim T, sinh năm 1967. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ thường trú: khu phố E, phường D, thành phố P, Kiên Giang.

Địa chỉ liên lạc: số A T, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Kim T*:* Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1976. *(Có mặt)*

Địa chỉ: 3.08 Lô A, Chung cư T, phường B, T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: số D đường C, Khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND và Chủ tịch UBND thành phố P: Ông Nguyễn Lê Quốc T2 – Phó chủ tịch UBND thành phố P. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND thành phố P: Ông Trần Quang L – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P. *(Có mặt)*

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Địa chỉ: số F N, phường V, thành phố R, Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh K*:* Ông Nguyễn Thanh N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh K: Ông Quách Văn T3 – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần Đ.

Địa chỉ: Tòa nhà O PQ1 Khu B, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc N1 – Giám đốc. *(Vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Chí H - Phó giám đốc (văn bản ủy quyền ngày 27/7/2023). *(Vắng mặt)*

2. Ban Q, tỉnh Kiên Giang. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: số A N, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Hồ Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của bà Hồ Kim T *và quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền ông* Nguyễn Trọng T1 *trình bày:*

Nguồn gốc phần đất có diện tích 33.069,2m² tại ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang của bà Hồ Kim T là do nhận chuyển nhượng từ ông Kiều Thanh T4 và ông Nguyễn Hùng C. Cụ thể:

- Đối với phần đất nhận chuyển nhượng từ ông Kiều Thanh T4: năm 1990 ông Kiều Thanh T4 vào phát dọn, khai hoang thửa đất tại ấp G, xã G, huyện P, Kiên Giang. Ông T4 nuôi gia súc, gia cầm, trồng nhiều loại cây như trà, gió bầu, đào, mít, dừa trên đất. Ngày 15/8/1995, ông T4 làm đơn xác nhận nguồn gốc đất nhà, trang trại chăn nuôi và ngày 20/9/1995 được Hội đồng An ninh trật tự ấp G xác nhận ông có khai hoang đất làm trang trại chăn nuôi. Từ đó về sau, ông T4 sử dụng ổn định liên tục và không bị xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 31/12/2007, ông T4 chuyển nhượng 27.900m² cho bà Hồ Kim T theo hợp đồng chuyển nhượng đất, phần đất còn lại ông T4 tiếp tục sử dụng. Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông T4, bà T tiếp tục sử dụng ổn định toàn bộ diện tích đất, nhà ở và cây trồng trên đất.

Ngày 30/11/2015 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P ban hành Quyết định số 6284/QĐ-UBND thu hồi 24.599,72m của bà T trong diện tích đất đã nhận chuyển nhượng từ ông T4 để thực hiện dự án Khu D tại xã G, huyện P, Kiên Giang.

- Đối với phần đất nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hùng C: năm 1997, ông Nguyễn Hùng C đến khu vực B, xã G, huyện P để thu gom phế liệu về Dương Đông bán. Ông C có cất căn nhà chòi diện tích ngang khoảng 05m, dài 16m tại B để ở và chứa phế liệu. Trong thời gian ở đây, gia đình ông C có phát dọn, khai hoang để trồng cây trên đất. Đến năm 2000 thì kiểm lâm không cho ở nữa nên gia đình ông C về D. Nhưng ông C vẫn tiếp tục sử dụng đất và nhờ người sinh sống bên cạnh thửa đất của ông C là ông Lâm Văn Ố (đã chết) trông coi phế liệu và hoa màu trên thửa đất này.

Ngày 31/12/2007, ông C chuyển nhượng cho bà Hồ Kim T 12.600m². Sau khi nhận chuyển nhượng bà T tiếp tục sử dụng ổn định toàn bộ diện tích đất và nhà ở mà ông C tạo lập trước đó. Ngày 20/10/2016, UBND huyện P ban hành Quyết định số 5301/QĐ-UBND thu hồi 6.255,5m² và Quyết định số 5309/QĐ-UBND thu hồi 2.214m² đất của bà T trong phần đất đã nhận chuyển nhượng từ ông C để thực hiện dự án Khu D tại xã G, huyện P, Kiên Giang.

Bà T không đồng ý với các quyết định thu hồi đất nên đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện P. Ngày 14/12/2016 Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Kiên Giang ra quyết định số 7393/QĐ-UB về việc giải quyết khiếu nại của bà T với nội dung: "*Khẳng định việc* UBND huyện P *không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 33.069,2m² cho bà* Hồ Kim T *tại dự án* Khu D *là đúng quy định pháp luật về đất đai. Không thừa nhận nội dung khiếu nại của bà* Hồ Kim T".

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện P, bà T khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại số 7693/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 đến Chủ tịch UBND tỉnh K. Ngày 02/6/2017, Chủ tịch UBND tỉnh K ra Quyết định số 1226/QD-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà T với nội dung "Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 7393/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Kim T là đúng quy định pháp luật".

Xét thấy việc UBND huyện P ra Quyết định thu hồi 33.069,2m² đất nhưng không bồi thường, Chủ tịch UBND huyện P ra Quyết định bác đơn khiếu nại và Chủ tịch UBND tỉnh K ra quyết định công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện P là trái pháp luật. Nên bà Hồ Kim T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6284/QĐ-UBND ngày 30/11/2015, Quyết định số 5309/QĐ-UBND ngày 20/10/2016, Quyết định số 5301/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của bà Hồ Kim T tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án Khu D; hủy Quyết định số 7393/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Kim T; hủy Quyết định số 1226/QD-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của bà T; buộc UBND thành phố P, công nhận quyền sử dụng đất đối phần diện tích đất 33.069,2m² ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho bà Hồ Kim T; buộc UBND thành phố

P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối phần diện tích đất 33.069,2m² ấp G, xã G, TP ., tỉnh Kiên Giang cho bà Hồ Kim T theo quy định của pháp luật.

Tại bản ý kiến pháp lý ngày 14/9/2023, đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Kim T là ông Nguyễn Trọng T1 rút yêu cầu khởi kiện đối các Quyết định số 6284/QĐ-UBND ngày 30/11/2015, Quyết định số 5309/QĐ-UBND ngày 20/10/2016, Quyết định số 5301/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của bà Hồ Kim T tại ấp G, huyện P, tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án Khu D. Rút yêu cầu buộc UBND thành phố P công nhận quyền sử dụng đất đối phần diện tích đất 33.069,2m² ấp G, xã G, TP ., tỉnh Kiên Giang cho bà Hồ Kim T.

Người bị kiện UBND thành phố P*, Chủ tịch* UBND thành phố P *có ý kiến:*

Nguồn gốc diện tích 33.069,2m² đất bị thu hồi tại dự án Khu D tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang mà bà Hồ Kim T khởi kiện, gồm 02 thửa:

Thửa thứ nhất: diện tích 24.599,7m² đất, trước năm 1995 là đất rừng tự nhiên do Nhà nước quản lý. Năm 1995 ông Kiều Thanh T4 vào phát dọn cây rừng để trồng hoa màu và chăn nuôi trên diện tích khoảng 5.000m² sử dụng cho đến năm 1999, diện tích còn lại để trống (19.599,7m²). Đến năm 1999 do Kiểm lâm yêu cầu di dời ra khỏi khu vực đất này nên ông Kiều Thanh T4 đã chấp hành và không còn canh tác, sử dụng đối với diện tích 24.599,7m² đất trên để cây rừng tự nhiên mọc lại. Đến năm 2007 ông Kiều Thanh T4 đứng ra kê khai đo đạc diện tích 24.599,7m² đất (thể hiện trong Biên bản kiểm kê đất đai, Biên bản xác minh nguồn gốc ngày 02/01/2008 và Biên bản xác minh nguồn gốc đất lần 02 ngày 26/05/2011 của Ủy ban nhân dân xã G), thửa đất không có thành quả lao động và được ông T4 thừa nhận (tại Biên bản ngày 08/3/2016 của Thanh tra huyện P).

Thửa đất thứ hai: diện tích 8.469,5m² đất, trước năm 1997 là đất rừng tự nhiên do Nhà nước quản lý, đến năm 1997 ông Nguyễn Hùng C (thường trú tại thị trấn D) vào bao chiếm đất ở B, xã G cất căn chòi tạm để thu gom phế liệu, không có sử dụng đất. Năm 2000 ông Nguyễn Hùng C không còn ở và cũng không sử dụng đối với diện tích 8.469,5m² đất trên mà về sinh sống ổn định tại thị trấn D để lại căn chòi tạm cho ông Lâm Văn Ổ (đã chết) sử dụng cho đến năm 2002 bỏ về đất liền ở không sử dụng để cây rừng mọc lại do Vườn Quốc gia P quản lý. Năm 2007, ông Nguyễn Hùng C đứng ra kê khai, đo đạc diện tích 8.469,5m² đất (thể hiện trong Biên bản kiểm kê đất đai, Biên bản xác minh nguồn gốc ngày 02/01/2008 và Biên bản xác minh nguồn gốc đất lần 02 ngày 26/05/2011 của Ủy ban nhân dân xã G, thửa đất không có thành quả lao động và được ông C thừa nhận (tại Biên bản ngày 10/3/2016 của Thanh tra huyện P).

Năm 2007, ông Kiều Thanh T4 vào chiếm lại diện tích 24.599,7m² đất và ông Nguyễn Hùng C chiếm lại diện tích 8.469,5m² đất nhưng không sử dụng mà chuyển nhượng lại cho bà Hồ Kim T (việc chuyển nhượng có làm giấy tay, được các bên thừa nhận). Tổng cộng bà Hồ Kim T5 nhận chuyển nhượng diện tích 33.069,2m² đất.

Thực hiện quy hoạch xây dựng khu du lịch sinh thái Bãi Dài tại xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang (trong đó có diện tích 33.069,2m đất bà Hồ Kim T nhận chuyển

nhượng). Năm 2007, Trung tâm K phối hợp với các cơ quan, ban ngành và địa phương tiến hành đo đạc, kiểm kê đất đai, cây trồng, vật kiến trúc, bà Hồ Kim T đứng ra kê khai đối với diện tích 33.069,2m² đất (tại Biên bản kiểm kê ngày 05/12/2007 thể hiện trên đất không có thành quả lao động).

Ngày 26/02/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 439/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường khu vực quy hoạch đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái Bãi Dài của Công ty S1 tại xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20/11/2013, Ủy ban nhân dân huyện P hành Quyết định số 5587/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu D tại xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 30/11/2015, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định Số 6284/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 24.599,7m², loại đất: rừng đặc dụng đối với bà Hồ Kim T, Đến ngày 20/10/2016, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 5301/QĐ-UBND về việc thu hồi đất 6.255,5m² và Quyết định số 5309/QĐ-UBND về việc thu hồi đất 2.214m² đối với bà Hồ Kim T để thực hiện dự án khu D tại xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Như vậy tổng diện tích bà Hồ Kim T bị thu hồi là 33.069,2m² đất.

Theo phương án được phê duyệt bà Hồ Kim T không được bồi thường, hỗ trợ về đất đai. Bà Hồ Kim T không đồng ý, có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện P yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 33.069,2m².

Ngày 14/12/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 7393/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Kim T, nội dung: khẳng định việc Ủy ban nhân dân huyện P không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 33.069,2m² đối với bà Hồ Kim T tại dự án Khu D là đúng theo quy định tại Điều 43 Luật đất đai 2003, Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Không thừa nhận nội dung khiếu nại của bà Hồ Kim T. Quyết định giải quyết khiếu nại được Thanh tra huyện P triển khai và niêm yết công khai ngày 06/01/2017. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại trên, đến ngày 23/01/2017 bà Hồ Kim T tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 33.069,2m².

Ngày 02/6/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 1226/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Kim T. Nội dung: công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 7393/QD-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Kim T là đúng quy định của pháp luật; yêu cầu bà Hồ Kim T thực hiện nghiêm chỉnh Quyết định số 5587/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 của Ủy ban nhân dân huyện P. Quyết định giải quyết khiếu nại được Thanh tra huyện P niêm yết công khai ngày 22/6/2017.

Từ những chứng cứ trên, Ủy ban nhân dân thành phố P khẳng định việc Ủy ban nhân dân thành phố P không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 33.069,2m² cho bà Hồ Kim T tại dự án Khu D là đúng theo quy định tại Khoản 1, Điều 43 Luật đất đai 2003; Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng

12 năm 2004 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Khoản 2, Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử bác đơn khởi kiện của bà Hồ Kim T.

Tại văn bản ngày 23/01/2018 và văn bản ngày 16/10/2023 Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K *có ý kiến:*

Việc bà T khiếu nại yêu cầu bồi thường diện tích đất 33.069,3m² là không phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ- CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Lý do: diện tích đất 33.069,2m² là đất rừng do Vườn quốc gia P quản lý, ông Kiều Thanh T4 và ông Nguyễn Hùng C vào chiếm năm 2007 (sau ngày 01/7/2004), sau đó chuyển nhượng trái phép cho bà T, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, thuộc trường hợp không được bồi thường về quyền sử dụng đất. Đo đó, việc Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 giải quyết công nhận và giữ nguyên quyết định số 7393/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Kim T là đúng quy định pháp luật. Bà Hồ Kim T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1226/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh K là không đúng quy định pháp luật.

Tại văn bản số 78/BQLKKTPQ-QLĐT ngày 25/01/2018 và công văn số 551 ngày 19/4/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ban Q *có ý kiến:*

Ban Q (nay là Ban Q) đã quản lý toàn bộ diện tích đất 32.196,1m² từ ngày 28/7/2009 để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quyết định số 1796/QĐ-UBND. Tại thời điểm ngày 30/11/2015 toàn bộ diện tích đất 32.196,1m² thuộc quyền quản lý của Ban Q và hiện nay đã cho Công ty Cổ phần Đ thuê đất thực hiện dự án.

Công ty Cổ phần Đ không có ý kiến trình bày và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2024/HC-ST ngày 24 tháng 02 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 75, Điều 77, Điều 101 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Điều 32 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Kim T đối với yêu cầu hủy các Quyết định số 6284/QĐ-UBND ngày 30/11/2015, Quyết định số 5309/QĐ-UBND ngày 20/10/2016, Quyết định số 5301/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của bà Hồ Kim T tại ấp G, xã G, huyện P tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án Khu D; yêu cầu buộc UBND thành phố Phú Quốc công nhận quyền sử dụng đất đối phần diện tích đất 33.069,2m².

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Kim T đối với yêu cầu: hủy Quyết định số 7393/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Kim T; hủy Quyết định số 1226/QĐ- UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của bà T; buộc UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối phần diện tích đất 33.069,2m² ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho bà Hồ Kim T.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc ban hành quyết định bồi thường cây trồng trên đất bị thu hồi cho bà Hồ Kim T theo biên bản kiểm tra đo đạc diện tích thửa đất bà Hồ Kim T ngày 23/9/2014 gồm: 02 cây xà cừ cao 1,5m, hoành 20 cm; đào A: 06 cây, đào B: 06 cây, đào C: 05 cây, đào D: 02 cây. Tràm bông vàng A: 04 cây, tràm bông vàng B: 05 cây, tràm bông vàng C: 08 cây.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 08/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận được đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Kim T đề ngày 05/3/2024, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên hủy Quyết định số 7393/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Kim T; hủy Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết yêu cầu khiếu nại của bà Hồ Kim T; buộc UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần diện tích đất 33.069,2m² tại ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho bà Hồ Kim T.

Lý do kháng cáo là phần đất có liên quan trong vụ án này nguồn gốc thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Kiều Thanh T4 và ông Nguyễn Hùng C theo chính sách khuyến khích người dân khai hoang đất cũng như sử dụng đất đầu tư lao động, tiền vốn… để tăng giá trị sử dụng đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Tại Công văn số 61/VQG-KHMT ngày 22/3/2017 của Vườn Quốc gia P phúc đáp Tờ trình số 30/TTr-XKT ngày 14/3/2017 của Thanh tra tỉnh Kiên Giang có nội dung: "…Qua kiểm tra hồ sơ thì vị trí, diện tích đất 33.069,2m² của Hồ Kim T, ông Kiều Thanh T4 và ông Nguyễn Hùng C nêu trên không có trong hồ sơ xử lý vi phạm của Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia P…". Điều này chứng minh ông T4, ông C bị phía kiểm lâm đuổi ra khỏi đất nhưng không có chứng cứ chứng minh các ông có sai phạm, do là người dân yếu thế nên khi bị ngăn cản sử dụng đất thì

các ông phải chấp nhận. Đến năm 2007 bà T trực tiếp đứng ra kê khai là đủ để chứng minh bà vẫn sử dụng đất ổn định, liên tục và không có tranh chấp. Như vậy, bà T là người sử dụng đất hợp pháp với diện tích 33.069,2m² nhận chuyển nhượng từ ông T4, ông C nên bà đủ điều kiện để nhận bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi.

Ngoài ra, các quyết định hành chính bị khiếu kiện là bất hợp pháp do có sai về thủ tục và nội dung. Cụ thể: cả quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu (Quyết định 7393) và lần 2 (Quyết định 1226) đều vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại; các Quyết định thu hồi đất số 6284, 5391, 5309 được ban hành trong năm 2015, 2016 là thời điểm Luật Đất đai năm 2013 đang có hiệu lực pháp luật nhưng khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại 7393 đối với khiếu nại của bà T về quyết định thu hồi lại căn cứ Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 197/2004/NĐ-CP để giải quyết là không đúng quy định; đối với nội dung các Quyết định thu hồi đất, UBND huyện P xác định trường hợp thu hồi đất của bà T thuộc trường hợp không được bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất là không đúng thực tế sử dụng của bà bởi các lý do tại Điều 1 của Quyết định thu hồi đất số 6284, 5391, 5309 có ghi lý do thu hồi " Để thực hiện dự án khu D tại xã G, huyện P…" nhưng không ghi rõ thuộc trường hợp nào theo Luật Đất đai năm 2013 nên không đủ căn cứ để xác định việc thu hồi đất của bà T có căn cứ vào một trong các Điều 61, 62, 64, 65 Luật Đất đai 2013, như vậy trình tự, thủ tục thu hồi đất của bà T không được đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật đất đai và pháp luật có liên quan; việc xác định đất của bà T thuộc loại đất rừng do Nhà nước quản lý là mâu thuẫn với xác định của Vườn Quốc gia P tại Công văn số 61, có nội dung: "… Theo Quyết định 1796/QĐ-UBND ngày 28/7/2009 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất của Vườn Quốc G tại ấp G, huyện P, tỉnh Kiên Giang giao cho Ban Q (nay là Ban Q) quản lý để thực hiện chức năng, nhiệm vụ giao đất, cho thuê đất thì toàn bộ diện tích đất 33.069,2m² gồm thửa 41, 68, 69 nằm trong quyết định thu hồi của UBND tỉnh K và được đưa ra khỏi ranh giới quản lý của Vườn Quốc gia P…". Như vậy, vào năm 2009 theo quyết định 1796 của UBND tỉnh K thì toàn bộ diện tích đất của bà T đã được đưa ra khỏi quy hoạch Vườn Quốc gia P, đến năm 2015 – 2016 UBND huyện P mới có 03 quyết định thu hồi đất này nên theo trích đo các thửa 41, 68, 69 có nội dung cho rằng diện tích đất thu hồi thuộc loại đất rừng đặc dụng và Quyết định 7393, 1226 cho rằng đây là đất rừng do Nhà nước quản lý là hoàn toàn không đúng với trường hợp sử dụng đất của bà T. Đất của bà là nằm ngoài ranh quy hoạch đất rừng. Việc xác định không đúng loại đất của 33.069,2m² nêu trên cũng dẫn đến sự sai sót của cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của bà T. Ngoài ra người khởi kiện còn cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND thành phố P cho rằng đất này nằm trong quy hoạch rừng quốc gia đã được Thủ tướng chính phủ ra quyết định đưa vào quy hoạch nhưng thực tế không có tài liệu cụ thể để chứng minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo uỷ quyền của bà Hồ Kim T yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm về thủ tục tố tụng và cho rằng các hộ dân liền kề đất của bà T đều

được xem xét bồi thường như trường hợp ông Hồ Minh S, hoặc có bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang chấp nhận yêu cầu về bồi thường, hỗ trợ khi có đất bị thu hồi của ông H1; riêng bà T đã cung cấp các giấy tờ để chứng minh quá trình sử dụng đất để xin bồi thường nhưng không được đáp ứng. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T4, ông C không có hồ sơ xử lý thực chất. Về tính sử dụng liên tục, ổn định: ông T4, ông C đã trồng trọt, chăn nuôi và làm nhà ở trên đất, trong khi Kết luận của Thanh tra tỉnh cho rằng công trình xây dựng trên đất của ông là chòi lá là không đúng vì diện tích tổng cộng đến 90m² bao gồm các hạng mục phòng ở, chuồng trại… Đây là những chứng cứ có thật, nếu không bị buộc tháo dỡ làm thay đổi hiện trạng sử dụng thì Ủy ban huyện đã phải bồi thường cả các công trình này chứ không chỉ có vài cây trồng như phần kiến nghị tại bản án sơ thẩm. Toà án cấp sơ thẩm đã sai trong việc kết luận bà T không sử dụng đất ổn định và liên tục, nhầm lẫn trong việc sử dụng đất và sinh sống trên đất (vì bà T chỉ sinh sống ở nơi khác). Về giá trị tài sản: bà T mua lại đất với giá 350.000.000 đồng ở thời điểm 2007 là một tài sản lớn nhưng không được bồi thường là thiệt thòi.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm do bản án đã tuyên xử có căn cứ và người kháng cáo không có chứng cứ nào mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và tuyên xử có căn cứ, người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, thẩm quyền giải quyết đúng quy định của Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện đã được triệu tập hợp lệ

nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, bà Hồ Kim T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang hủy Quyết định số 6284/QĐ-UBND ngày 30/11/2015; Quyết định số 5301/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của bà Hồ Kim T tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án Khu D; yêu cầu buộc UBND thành phố Phú Quốc công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 33.069,2m² và hủy Quyết định số 7393/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Kim T; hủy Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết yêu cầu khiếu nại của bà Hồ Kim T. Quá trình giải quyết vụ kiện, bà T rút yêu cầu một phần về quyết định thu hồi đất, chỉ còn yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại và Toà án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết phần này là đúng quy định. Xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện:

Về thẩm quyền ban hành các quyết định 7393 và 1226: Chủ tịch UBND huyện P và Chủ tịch UBND tỉnh K đã ban hành các quyết định đúng quy định theo Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 12 Luật Khiếu nại năm 2012.

Về nội dung giải quyết khiếu nại:

Căn cứ quy hoạch khu du lịch Bãi Dài tại xã G, huyện P, diện tích đất 33.069,2m² mà bà T cho rằng mình là chủ sử dụng hợp pháp thuộc quy hoạch này, ngày 30/11/2015, UBND huyện P ban hành Quyết định số 6284/QĐ-UBND thu hồi diện tích 24.599,7m²; đến ngày 20/10/2016 tiếp tục thu hồi diện tích 8.469,5m² đối với bà Hồ Kim T theo các Quyết định số 5301/QĐ-UBND và Quyết định số 5309/QĐ-UBND.

Vào năm 2007, Trung tâm K phối hợp với các cơ quan, ban ngành và địa phương tiến hành đo đạc, kiểm kê đất đai, cây trồng, vật kiến trúc, bà Hồ Kim T đứng ra kê khai đối với diện tích 33.069,2m² đất (tại Biên bản kiểm kê ngày 05/12/2007 thể hiện trên đất không có thành quả lao động). Tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 02/01/2008 của UBND xã G; Biên bản xác minh nguồn gốc ngày 26/5/2011 lần 2 của UBND xã G thể hiện nguồn gốc đất của bà T có 2 phần: phần diện tích 24.599,7m² trước năm 1995 là đất rừng tự nhiên do Nhà nước quản lý. Năm 1995, ông Kiều Thanh T4 vào phát dọn cây rừng để trồng hoa màu và chăn nuôi trên diện tích khoảng 5.000m² và sử dụng đến năm 1999, diện tích còn lại 19.599,7m² để trống. Đến năm 1999, do kiểm lâm yêu cầu di dời ra khỏi khu đất nên ông T4 chấp hành vả không còn canh tác (ông T4 xác nhận tại Biên bản xác thực ngày 15/8/1999 – BL116). Tháng 12/2007, ông T4 đứng ra kê khai đo đạc diện tích 24.599,7m² thể hiện trong Biên bản kiểm kê ngày 05/12/2007, Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 02/01/2008 và Biên bản xác minh nguồn gốc đất lần 2 ngày 26/3/2011 của UBND xã G, thửa đất không có thành quả lao động và được ông T4 thừa nhận tại Biên bản ngày 06/3/2010 của Thanh tra huyện P.

Đối với thửa đất diện tích 8.469,5m², trước năm 1997 là đất rừng tự nhiên do Nhà nước quản lý, đến năm 1997 ông Nguyễn Hùng C vào bao chiếm đất ở B,

xã G, cất chòi để thu gom phế liệu, không sử dụng đất. Năm 2000, ông C không sử dụng căn chòi trên đất nữa nên để lại cho ông Lâm Văn Ổ (đã chết) sử dụng đến năm 2002 thì ông Ổ bỏ vào đất liền và Vườn Quốc gia quản lý diện tích đất này.

Năm 2007, ông C đứng ra kê khai, đo đạc diện tích 8.469,5m² thể hiện trong Biên bản kiểm kê, Biên bản xác minh nguồn gốc ngày 02/01/2008 và Biên bản xác minh nguồn gốc đất lần 2 ngày 26/5/2011 của UBND xã G, thửa đất không có thành quả lao động và được ông C thừa nhận tại Biên bản ngày 10/3/2016 của Thanh tra huyện P.

Năm 2007, ông T4 vào chiếm lại diện tích 8.469,5m² nhưng không sử dụng mà chuyển nhượng lại cho bà T vào ngày 31/12/2007 bằng giấy tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương.

Với các tài liệu đã thu thập, thấy rằng về phần đất có liên quan trong vụ án, các chủ thể không có quá trình sử dụng, không có thành quả lao động trên đất nên không đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định tại Điều 75, khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013, Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Do vậy, Chủ tịch UBND huyện P, Chủ tịch UBND tỉnh K bác khiếu nại, không bồi thường quyền sử dụng đất cho bà T là có căn cứ. Tuy nhiên, các quyết định giải quyết khiếu nại đã áp dụng các quy định của Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định 194/2007/NĐ-CP đã hết hiệu lực pháp luật là không phù hợp, mà phải áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm ban hành quyết định hành chính là Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật này mới phù hợp. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định như đã nêu không làm thay đổi bản chất vụ việc nên không cần thiết phải hủy các quyết định giải quyết khiếu nại. Yêu cầu của bà T là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với số cây trồng trên đất, Biên bản đo đạc ngày 23/9/2014 đã thể hiện có một số cây trồng và tại quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện P cũng như Chủ tịch UBND tỉnh K có đề cập đến phần cây trồng của bà. Án sơ thẩm kiến nghị UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường đối với các loại cây trồng đã được kiểm kê để đảm bảo quyền lợi cho bà T là phù hợp.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bà Hồ Kim T được làm trong thời hạn luật định, hợp lệ. Tuy nhiên như phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành giải quyết vụ án đúng quy định và tuyên xử có căn cứ. Việc vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại là sai quy định nhưng về nội dung giải quyết khiếu nại đảm bảo tính đúng đắn với thực tế sự việc. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để chấp nhận, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Kim T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ:

Điều 75, Điều 77, Điều 101 Luật đất đai 2013;

Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Kim T đối với yêu cầu hủy các Quyết định số 6284/QĐ-UBND ngày 30/11/2015, Quyết định số 5309/QĐ-UBND ngày 20/10/2016, Quyết định số 5301/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của bà Hồ Kim T tại ấp G, xã G, huyện P tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án Khu D; yêu cầu buộc UBND thành phố Phú Quốc công nhận quyền sử dụng đất đối phần diện tích đất 33.069,2m².

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Kim T đối với yêu cầu: hủy Quyết định số 7393/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Kim T; hủy Quyết định số 1226/QĐ- UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của bà T; buộc UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối phần diện tích đất 33.069,2m² ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho bà Hồ Kim T.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc ban hành quyết định bồi thường cây trồng trên đất bị thu hồi cho bà Hồ Kim T theo biên bản kiểm tra đo đạc diện tích thửa đất bà Hồ Kim T ngày 23/9/2014 gồm: 02 cây xà cừ cao 1,5m, hoành 20 cm; đào A: 06 cây, đào B: 06 cây, đào C: 05 cây, đào D: 02 cây. Tràm bông vàng A: 04 cây, tràm bông vàng B: 05 cây, tràm bông vàng C: 08 cây.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hồ Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006258 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- TAND tỉnh Kiên Giang (1);
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang (1);
- ĐS (5);
- Lưu VP(3), HS(2).17b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ